

ĐỊA LÝ

Câu 1: Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên và Campuchia
- B. Đông Nam Bộ và Campuchia
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ và Lào
- D. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên

Câu 2: Địa hình của Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm gì?

- A. Núi cao và hiểm trở
- B. Cao nguyên chia cắt mạnh
- C. Thấp và bằng phẳng
- D. Dốc thoải về biển

Câu 3: Nhóm đất chính ở Đồng bằng sông Cửu Long gồm:

- A. Đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn
- B. Đất cát, đất đỏ, đất xám
- C. Đất xám bạc màu, đất phù sa cổ, đất bazan
- D. Đất feralit, đất cát ven biển, đất bazan

Câu 4: Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Dọc sông Tiền và sông Hậu
- B. Vùng ven biển
- C. Vùng trũng nội địa
- D. Đồng Tháp Mười

Câu 5: Đất mặn phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dọc sông Tiền
- B. Đồng Tháp Mười
- C. Vùng trung tâm đồng bằng
- D. Vành đai ven biển

Câu 6: Khu vực nào phân bố nhiều đất phèn ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dọc biên giới Việt - Campuchia
- B. Đồng Tháp Mười và vùng trũng Cà Mau
- C. Vùng ven biển Kiên Giang
- D. Bắc sông Hậu

Câu 7: Khí hậu của Đồng bằng sông Cửu Long mang đặc điểm gì?

- A. Nhiệt đới gió mùa ẩm
- B. Cận xích đạo
- C. Ôn đới hải dương
- D. Cận nhiệt đới

Câu 8: Thảm thực vật đặc trưng ven biển của Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Rừng ngập mặn

- B. Rừng thưa khô hạn
- C. Rừng thường xanh
- D. Rừng tre nứa

Câu 9: Mùa khô kéo dài gây ra vấn đề gì nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Hạn hán nặng
- B. Xâm nhập mặn
- C. Lốc xoáy
- D. Lũ quét

Câu 10: Biến đổi khí hậu tác động thế nào đến tình trạng lũ lụt ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Giảm thiểu lượng mưa
- B. Không ảnh hưởng
- C. Làm khô hạn kéo dài
- D. Gia tăng tình trạng lũ lụt

Câu 11: Hạn chế tự nhiên nào *không* đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất phèn, đất mặn nhiều
- B. Nguy cơ xâm nhập mặn
- C. Gió tây khô nóng, rét đậm rét hại
- D. Thiếu nước ngọt mùa khô

Câu 12: Ngành công nghiệp quan trọng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Công nghiệp khai khoáng
- B. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm
- C. Công nghiệp cơ khí
- D. Công nghiệp luyện kim

Câu 13: Hai trung tâm công nghiệp lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Long An và An Giang
- B. Cần Thơ và Cà Mau
- C. Sóc Trăng và Kiên Giang
- D. Bạc Liêu và Vĩnh Long

Câu 14: Phát triển điện gió, điện mặt trời ở Đồng bằng sông Cửu Long góp phần gì?

- A. Bảo vệ tài nguyên, môi trường
- B. Tăng dân số
- C. Tăng lượng phát thải
- D. Hạn chế phát triển kinh tế

Câu 15: Vùng nội thủy của Việt Nam được xác định là:

- A. Vùng biển sâu ngoài khơi
- B. Vùng nước nằm trong đường cơ sở
- C. Vùng đặc quyền kinh tế
- D. Vùng biển tiếp giáp lãnh hải

Câu 16: Vùng lãnh hải của Việt Nam có chiều rộng bao nhiêu?

- A. 24 hải lý
- B. 12 hải lý
- C. 200 hải lý
- D. 50 hải lý

Câu 17: Vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam rộng bao nhiêu hải lý?

- A. 100 hải lý
- B. 24 hải lý
- C. 200 hải lý
- D. 12 hải lý

Câu 18: Huyện đảo Lý Sơn thuộc tỉnh nào?

- A. Phú Yên
- B. Quảng Nam
- C. Quảng Ngãi
- D. Bình Định

Câu 19: Huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị
- B. Ninh Thuận
- C. Khánh Hòa
- D. Phú Yên

Câu 20: Phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo có ý nghĩa gì?

- A. Tăng mật độ dân cư
- B. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo
- C. Giảm phát triển ngành nông nghiệp
- D. Thúc đẩy khai thác khoáng sản

Câu 21: Ngành kinh tế biển nào giúp giữ vững chủ quyền biển đảo tốt nhất?

- A. Du lịch biển
- B. Đánh bắt xa bờ
- C. Vận tải biển
- D. Nuôi trồng thủy sản

Câu 22: Vai trò của bảo vệ môi trường biển đảo đối với kinh tế biển là:

- A. Làm tăng lượng khai thác
- B. Tạo điều kiện cho phát triển bền vững
- C. Giảm năng suất nuôi trồng
- D. Tăng chi phí đầu tư

Câu 23: Yêu cầu hàng đầu để phát triển bền vững kinh tế biển đảo là:

- A. Mở rộng khai thác tối đa
- B. Xây đảo nhân tạo

C. Bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên

D. Tập trung phát triển du lịch

Câu 24: Nguyên nhân chính dẫn đến suy giảm tài nguyên biển đảo là:

A. Ô nhiễm không khí

B. Biến đổi khí hậu

C. Khai thác quá mức

D. Tăng dân số

Câu 25: Giải pháp nào giúp bảo vệ nguồn tài nguyên biển đảo?

A. Khai thác tối đa tài nguyên

B. Xây dựng hệ thống pháp luật bảo vệ biển đảo

C. Khuyến khích khai thác tự do

D. Tăng cường xuất khẩu hải sản

Câu 26: Ba loại đất chính ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Đất xám, đất cát, đất đỏ

B. Đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn

C. Đất đỏ, đất bazan, đất phù sa cổ

D. Đất phù sa cổ, đất đồi, đất xám

Câu 27: Đất phù sa sông phân bố chủ yếu ở đâu?

A. Ven biển Bến Tre

B. Dọc sông Tiền và sông Hậu

C. Vùng trũng Cà Mau

D. Tây An Giang

Câu 28: Hệ thống sông ngòi ở Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm gì?

A. Ít sông nhỏ

B. Mạng lưới dày đặc

C. Không có kênh đào

D. Chảy từ Bắc vào Nam

Câu 29: Đặc điểm dân cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Tăng trưởng dân số cao

B. Mật độ dân cư thấp

C. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp

D. Chủ yếu là dân tộc thiểu số

Câu 30: Ngành công nghiệp thế mạnh nhất của Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Luyện kim

B. Sản xuất, chế biến thực phẩm

C. Dệt may

D. Hóa chất

2. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Ghi vào bài làm chữ đúng/ sai với mỗi ý a, b, c, d.

Câu 2: Đọc văn bản dưới đây

“Đồng bằng sông Cửu Long và các hệ sinh thái ven bờ là nơi tập trung của 70% rừng ngập mặn và 90% diện tích thảm cỏ biển tại Việt Nam. Được bồi đắp bởi trầm tích và chất dinh dưỡng từ sông Cửu Long, khu vực này trở thành môi trường thuận lợi để phát triển nguồn lợi thủy sản phong phú nhất tại Việt Nam đồng thời bảo vệ cộng đồng ven biển trước triều cường do bão và tác động của biến đổi khí hậu.”

(Trích bài đăng trên: <https://dangcongsan.vn/xa-hoi/bao-ve-he-sinh-thai-ven-bien-vung-dong-bang-song-cuu-long-661353.html>, Thứ sáu, 15/03/2024)

- a. Tài nguyên sinh vật, đặc biệt là hệ sinh thái ven bờ ở Đồng bằng sông Cửu Long có tính đa dạng sinh học cao.
- b. Sự đa dạng về kiểu hệ sinh thái (đặc biệt là vùng ven bờ) là cơ sở cho sự đa dạng về thành phần loài và nguồn gen ở nơi đây.
- c. Nguyên nhân chủ yếu để phát triển nguồn lợi thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là do được bồi đắp bởi trầm tích và dinh dưỡng từ sông Cửu Long.
- d. Để đảm bảo tính đa dạng sinh học ở Đồng bằng sông Cửu Long cần phải tích cực nhập khẩu nhiều loài sinh mới.

LỊCH SỬ

Câu 1: Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vào thời gian nào?

- A. Tháng 4/1975
- B. Tháng 5/1975
- C. Tháng 6/1976
- D. Tháng 7/1975

Câu 2: Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

- A. Cải cách ruộng đất
- B. Tăng cường quốc phòng
- C. Thống nhất nước nhà về mặt nhà nước
- D. Tái thiết miền Bắc

Câu 3: Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (1976) đã quyết định tên nước là:

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
- B. Cộng hòa nhân dân Việt Nam
- C. Cộng hòa Việt Nam
- D. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Câu 4: Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đã:

- A. Thảo luận cải cách kinh tế
- B. Đề ra chính sách đổi mới

C. Đề ra chủ trương giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

D. Đổi tên Đảng

Câu 5: Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá

B. Tập trung xây dựng quốc phòng

C. Đô thị hóa nông thôn

D. Phát triển công nghiệp nặng

Câu 6: Theo quyết định của kì họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI (1976), thành phố Sài Gòn - Gia Định được đổi tên thành:

A. Thành phố Nam Bộ

B. Thành phố Cộng hòa

C. Thành phố Hồ Chí Minh

D. Thành phố Giải Phóng

Câu 7: Tháng 2/1979, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ:

A. Biên giới phía Nam

B. Biển Đông

C. Biên giới Tây Nam

D. Biên giới phía Bắc

Câu 8: Trong giai đoạn 1976 – 1986, Việt Nam vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa thực hiện cuộc đấu tranh:

A. Bảo vệ Trường Sa

B. Bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Đông Bắc và Tây Bắc

C. Chống xâm lược của Mỹ

D. Giành lại Hoàng Sa

Câu 9: Vì sao Việt Nam phải tiến hành đổi mới?

A. Để hội nhập kinh tế khu vực

B. Để đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh quốc tế đang có những chuyển biến mạnh mẽ

C. Để tăng cường quân sự

D. Để đổi tên nước

Câu 10: Thách thức lớn nhất mà Việt Nam sẽ gặp phải khi mở cửa, hội nhập với thế giới là gì?

A. Biến đổi khí hậu

B. Nguy cơ tụt hậu

C. Thiếu nhân lực

D. Mất văn hóa truyền thống

Câu 11: Khối liên minh công - nông lần đầu tiên được hình thành trong phong trào cách mạng nào?

A. Phong trào cách mạng 1930 - 1931

B. Cách mạng tháng Tám 1945

C. Kháng chiến chống Pháp

D. Khởi nghĩa Nam Kỳ

Câu 12: Nguyên tắc hoạt động nào sau đây của ASEAN khác với nguyên tắc của Liên hợp quốc?

A. Tôn trọng độc lập chủ quyền

B. Không sử dụng hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau

C. Hợp tác phát triển kinh tế

D. Giải quyết hòa bình các tranh chấp

Câu 13: Trong giai đoạn 1991 - 2000, Nhật Bản thi hành chính sách ngoại giao như thế nào?

A. Hướng về Trung Quốc

B. Tăng cường liên minh với Nga

C. Chú trọng quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN

D. Hạn chế quan hệ với các nước láng giềng

Câu 14: Ba “con rồng” kinh tế của khu vực Đông Bắc Á là:

A. Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc

B. Hàn Quốc, Singapore, Malaysia

C. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan

D. Nhật Bản, Thái Lan, Hồng Kông

Câu 15: Đường lối cải cách – mở cửa của Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương:

A. Ưu tiên quốc phòng

B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm

C. Ưu tiên giáo dục

D. Tập trung công nghiệp nặng

Câu 16: Hiện nay ASEAN có bao nhiêu thành viên?

A. 8 thành viên

B. 9 thành viên

C. 10 thành viên

D. 11 thành viên

Câu 17: Điểm chung của Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là:

A. Đồng minh quân sự

B. Có nền văn hóa phương Tây

C. Trung tâm kinh tế - tài chính lớn thế giới

D. Thực hiện chủ nghĩa xã hội

Câu 18: Ở khu vực Đông Bắc Á hiện nay, những nước có nền kinh tế đứng thứ 2 và thứ 3 thế giới lần lượt là:

A. Nhật Bản và Hàn Quốc

B. Hàn Quốc và Trung Quốc

C. Trung Quốc và Nhật Bản

D. Đài Loan và Trung Quốc

Câu 19: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản thể hiện qua học thuyết Miyazawa và Hashimoto được thực hiện trong giai đoạn nào?

A. 1980 - 1990

B. 1991 - 2000

C. 1975 - 1985

D. 2000 - 2010

Câu 20: Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (7/1995) phản ánh điều gì?

A. Việt Nam mở rộng hợp tác quân sự

B. Sự khác biệt về ý thức có thể hòa giải sự đối lập giữa các nước

C. Việt Nam muốn độc lập về chính sách

D. Việt Nam không còn liên minh với các nước XHCN

Bài 1: Trắc nghiệm đ – s: Trong các đặc điểm sau, đâu là ý đúng, đâu là ý sai khi nói về lí do nước ta phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước:

a) Việt Nam đã được thống nhất về lãnh thổ, song ở mỗi miền Nam - Bắc lại tồn tại những hình thức tổ chức Nhà nước khác nhau.

b) Nguyện vọng của nhân dân cả nước là mong muốn có một Nhà nước thống nhất.

c) Chính quyền các nước phương Tây ủng hộ việc thống nhất Việt Nam.

d) Các thế lực bên ngoài, đặc biệt là các nước lớn, đều ủng hộ quá trình Việt Nam thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Bài 2: Đọc đoạn tư liệu dưới đây, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a, b, c, d:

“Chiến sự xảy ra ác liệt ở xã Thanh Thụy, Minh Tân, Thanh Đức thuộc huyện Vị Xuyên, xã Bạch Đích, Phú Lũng thuộc huyện Yên Minh. Tại mặt trận Vị Xuyên đã có hơn một chục sư đoàn bộ binh luân phiên tham gia chiến đấu. Các đơn vị bộ đội chủ lực của Bộ và Quân khu cùng với bộ đội địa phương, dân quân tự vệ của tỉnh và nhân dân đã quyết tâm chiến đấu giành giật với địch từng chiến hào, từng điểm cao để giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia... gần chục năm ròng chưa khi nào Vị Xuyên ngót tiếng pháo, đạn súng cối từ bên kia biên giới rót sang”.

(Nguyễn Đức Huy, *Hồi ức chiến tranh Vị Xuyên*, NXB Thông tin và Truyền thông. Hà Nội, 2019, tr.67 – 68)

a. Vị Xuyên (Hà Giang) là chiến trường duy nhất giữa Trung Quốc và Việt Nam (1979 – 1989).

b. Thể hiện tinh thần chiến đấu, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của quân dân tại Hà Giang.

c. Là bằng chứng về tội ác của quân Trung Quốc đối với các dân tộc vùng biên giới phía Bắc.

d. Cuộc chiến tại mặt trận Vị Xuyên (Hà Giang) chỉ diễn ra từ năm 1984 đến năm 1989.